

Số: 0151.2022-QĐ-LHP.2

Đồng Nai, ngày 05 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN LONG HƯNG PHÁT

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 5039/SXD-QLXD do Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai ký ngày 23/09/2020 về việc Thông báo kết quả thẩm định TKCS Nhà ở riêng lẻ và Câu lạc bộ thuộc khu 2 và khu 4 dự án Aqua Riverside City tại xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa.
- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Nhà ở riêng lẻ và Câu lạc bộ, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt: **Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư BĐS Long Hưng Phát**
2. Tên công trình hoặc bộ phận công trình: Nhà ở riêng lẻ và Câu lạc bộ thuộc khu 2 và khu 4.
3. Tên dự án: Aqua Riverside City.
4. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp III
5. Địa điểm xây dựng: xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
6. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
 - Nhà thầu khảo sát địa chất: Phân viện Khoa học Công nghệ Xây dựng Miền Nam (IBST).
 - Nhà thầu khảo sát địa hình: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng, Địa Kỹ thuật và Môi trường (COGECO).
7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Kiến trúc A8 Studio
8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Xây dựng Hai Đô
9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên (nếu có):

Bảng quy mô thiết kế của 568 căn & Câu lạc bộ Clubhouse Kayak :

- 568 căn :



**BẢNG THÔNG KÊ DIỆN TÍCH CÁC LỖ ĐẤT-MẬT ĐỘ XÂY DỰNG-TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG
(KHU NHÀ THÁP TẦNG AQUA RIVERSIDE 81HA (B1a)_ 568 CĂN)**

KÝ HIỆU LỖ ĐẤT ÁP DỤNG MẪU NHÀ	KÍCH THƯỚC LỖ ĐẤT XÂY DỰNG	MẪU NHÀ ÁP DỤNG	DIỆN TÍCH LỖ ĐẤT (m2)	SỐ LỖ	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT (m2)	THEO THIẾT KẾ THI CÔNG				HỆ SỐ XÂY DỰNG	TẦNG CAO	GHI CHÚ
						MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	DT XÂY DỰNG 1 CĂN (m2)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XD 1 CĂN (m2)	TỔNG DT SÀN XÂY DỰNG (m2)			
MẪU NHÀ PHỔ THƯƠNG MẠI T22-1									2669,2			
T22-1 (18, 20, 22, 24)	(6x20)m	SH6-T	120,0	8	960,0	69,9%	83,9	260,3	2082,4	2,17	3	
T22-1 (19, 21, 23, 25)	(6x20)m	SH6-T-D										
T22-1 (26)	(6.75x20)m	SH6-T1	135,0	2	270,0	70,0%	94,5	293,4	586,8	2,17	3	
T22-1 (17)	(6.75x20)m	SH6-T1-D										
MẪU NHÀ PHỔ THƯƠNG MẠI SH2-1									1537,8			
SH2-1(02,04)	(6x20)m	SH6-T	120,0	4	480,0	69,9%	83,9	260,3	1041,2	2,17	3	
SH2-1(03,05)		SH6-T-D										
SH2-1(01)	(3~8x20)m	SH6-C	147,5	2	295,0	53,4%	78,7	248,3	496,6	1,68	3	Căn góc
SH2-1(06)	(3~8x20)m	SH6-C-D										
MẪU NHÀ PHỔ THƯƠNG MẠI SH2-2									4096,4			
SH2-2 (02,04,06,08,10,12,14)	(6x20)m	SH6-T	120,0	14	1680,0	69,9%	83,9	260,3	3644,2	2,17	3	
SH2-2 (03,05,07,09,11,13,15)	(6x20)m	SH6-T-D										
SH2-2(01)	(2.5~7.5x20)m	SH6-C1	137,5	2	275,0	51,9%	71,3	226,1	452,2	1,64	3	Căn góc
SH2-2(16)	(2.5~7.5x20)m	SH6-C1-D										
MẪU NHÀ PHỔ THƯƠNG MẠI SH2-3									1537,8			
SH2-3(03,05)	(6x20)m	SH6-T	120,0	4	480,0	69,9%	83,9	260,3	1041,2	2,17	3	
SH2-3(02,04)	(6x20)m	SH6-T-D										
SH2-3(06)	(3~8x20)m	SH6-C	147,5	2	295,0	53,4%	78,7	248,3	496,6	1,68	3	Căn góc
SH2-3(01)	(3~8x20)m	SH6-C-D										
MẪU NHÀ PHỔ THƯƠNG MẠI SH2-4									4390,9			
SH2-4 (03,05,07,09,11,13,15)	(6x20)m	SH6-T	120,0	15	1800,0	69,9%	83,9	260,3	3904,5	2,17	3	
SH2-4 (02,04,,06,08,10,12,14,16)	(6x20)m	SH6-T-D										
SH2-4(17)	(8x20)m	SH6-T-A1	160,0	1	160,0	52,4%	83,9	260,3	260,3	1,63	3	
SH2-4(01)	(2.5~7.5x20)m	SH6-C1-D	137,5	1	137,5	51,9%	71,3	226,1	226,1	1,64	3	Căn góc
MẪU NHÀ PHỔ THƯƠNG MẠI T22-2									4164,8			
T22-2 (23,25,29,31,33,37)	(6x20)m	SH6-T	120,0	12	1440,0	69,9%	83,9	260,3	3123,6	2,17	3	
T22-2 (24,28,30,32,36,38)	(6x20)m	SH6-T-D										
T22-2(26)	(8.250x20)m	SH6-T-A1	164,8	2	329,6	50,9%	83,9	260,3	520,6	1,58	3	Căn bìa
T22-2(27)	(8.250x20)m	SH6-T-A1-D										
T22-2(34)	(9.750x20)m	SH6-T-A1	195,2	2	390,4	43,0%	83,9	260,3	520,6	1,33	3	Căn bìa
T22-2(35)	(9.750x20)m	SH6-T-A1-D										
MẪU NHÀ PHỔ THƯƠNG MẠI T12-5									3106,5			
T12-5(11,13,15,17)	(8x22.2)m	SH8-T	178,0	7	1246,0	62,9%	112,0	346,5	2425,5	1,95	3	
T12-5(12,14,16)	(8x22.2)m	SH8-T-D										
T12-5(10)	(8~7,960x22.2)m	SH8-T-D	177,5	1	177,5	63,1%	112,0	346,5	346,5	1,95	3	

MẪU NHÀ PHỔ THƯƠNG MẠI

	T12-5(18)	(5~10x22.2)m	SH8-C	209,7	1	209,7	50,9%	106,7	334,5	334,5	1,60	3	Căn góc	
	MẪU NHÀ PHỐ THƯỜNG MẠI T12-6									3465,0				
	T12-6(01)	(10.205x20)m	SH8-T-A1	204,1	1	204,1	54,9%	112,0	346,5	346,5	1,70	3	Căn bìa	
	T12-6 (02,04,06,08,10)	(8x20)m	SH8-T	160,0	9	1440,0	70,0%	112,0	346,5	3118,5	2,17	3		
	T12-6(03,05,07,09)	(8x20)m	SH8-T-D											
MẪU NHÀ LIÊN KÈ 6M	MẪU NHÀ LIÊN KÈ 6M T22-1									3614,0				
	T22-1 (01)	(3~8x20)m	TH6-C-D	147,5	2	295,0	48,5%	71,5	206,4	412,8	1,40	3	Căn góc	
	T22-1 (06)	(3~8x20)m	TH6-C											
	T22-1 (02,04,08,10,12,14)	(6x20)m	TH6-T	120,0	12	1440,0	70,0%	84,0	224,6	2695,2	1,87	3		
	T22-1 (03,05,09,11,13,15)	(6x20)m	TH6-T-D											
	T22-1 (07)	(6.75x20)m	TH6-A3-D	135,0	2	270,0	70,0%	94,5	253,0	506,0	1,87	3		
	T22-1 (16)	(6.75x20)m	TH6-A3											
	MẪU NHÀ LIÊN KÈ 6M T22-2									4909,6				
	T22-2 (01)	(3~8x20)m	TH6-C	147,5	2	295,0	48,5%	71,5	206,4	412,8	1,40	3	Căn góc	
	T22-2 (06)	(3~8x20)m	TH6-C-D											
	T22-2 (03,05,07,09,13,15,17,21)	(6x20)m	TH6-T	120,0	16	1920,0	70,0%	84,0	224,6	3593,6	1,87	3		
	T22-2 (02,04,08,12,14,16,20,22)		TH6-T-D											
	T22-2 (10)	(9.750x20)m	TH6-A1-D	195,2	2	390,4	43,0%	84,0	225,8	451,6	1,16	3		
	T22-2 (11)	(9.750x20)m	TH6-A1											
	T22-2 (18)	(8.250x20)m	TH6-A1-D	164,8	2	329,6	51,0%	84,0	225,8	451,6	1,37	3		
	T22-2 (19)	(8.250x20)m	TH6-A1											
	MẪU NHÀ LIÊN KÈ 6M T22-3										3801,2			
	T22-3 (01)	(2.5~7.5x20)m	TH6-C1	137,5	1	137,5	49,2%	67,7	206,4	206,4	1,50	3	Căn góc	
	T22-3 (02,04,06,08,10,12,14,16)	(6x20)m	TH6-T-D	120,0	15	1800,0	70,0%	84,0	224,6	3369,0	1,87	3		
	T22-3 (03,05,07,09,11,13,15)	(6x20)m	TH6-T											
T22-3 (17)	(8x20)m	TH6-A1-A1	160,0	1	160,0	52,5%	84,0	225,8	225,8	1,41	3			
NHÓM MẪU LIÊN KÈ 8M	MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-1									9421,6				
	T12-1 (01)	(7~12x20)m	TH8-C1-D	227,6	2	455,3	38,5%	87,6	255,1	510,2	1,12	3		
	T12-1 (36)	(7~12x20)m	TH8-C1											
	T12-1 (02,04,06,08,10,12,14,16,20,22,24,26,28,30,32,34)	(8x20)m	TH8-T	160,0	34	5440,0	58,6%	93,8	262,1	8911,4	1,64	3		
	T12-1 (03,05,07,09,11,13,15,17,21,23,25,27,29,31,33,35)	(8x20)m	TH8-T-D											
	T12-1 (18)	(8x20)m	TH8-A2											
	T12-1 (19)	(8x20)m	TH8-A2-D											
	MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-2										9421,6			
	T12-2 (01)	(7~12x20)m	TH8-C1-D	227,6	2	455,2	38,5%	87,6	255,1	510,2	1,12	3	Căn góc	
	T12-2 (36)	(7~12x20)m	TH8-C1											
	T12-2 (02,04,06,08,10,12,14,16,20,22,24,26,28,30,32,34)	(8x20)m	TH8-T	160,0	34	5440,0	58,6%	93,8	262,1	8911,4	1,64	3		
	T12-2 (03,05,07,09,11,13,15,17,21,23,25,27,29,31,33,35)	(8x20)m	TH8-T-D											

33,35)													
T12-2(18)		TH8-A2											
T12-2(19)	(8x20)m	TH8-A2-D											
MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-3									9421,6				
T12-3 (01)	(7~12x20)m	TH8-C1-D	227,6	2	455,3	38,5%	87,6	255,1	510,2	1,12	3		
T12-3 (36)	(7~12x20)m	TH8-C1											
T12-3 (02,04,06,08,10,12,14, 16,20,22,24,26,28,30, 32,34)	(8x20)m	TH8-T	160,0	34	5440,0	58,6%	93,8	262,1	8911,4	1,64	3		
T12-3 (03,05,07,09,11,13,15, 17,21,23,25,27,29,31, 33,35)	(8x20)m	TH8-T-D											
T12-3(18)	(8x20)m	TH8-A2											
T12-3(19)	(8x20)m	TH8-A2-D											
MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-4									4674,1				
T12-4 (01)	(5~10x22.25)m	TH8-C-D	209,7	1	209,7	37,8%	79,3	236,0	236,0	1,13	3	Căn góc	
T12-4 (18)	(5~10x21.5)m	TH8-C	202,2	1	202,2	39,2%	79,3	236,0	236,0	1,17	3		
T12-4 (02,04,06,08)	(8x22.25)m	TH8-T	178,0	7	1246,0	52,7%	93,8	262,1	1834,7	1,47	3		
T12-4 (03,05,07)	(8x22.25)m	TH8-T-D											
T12-4 (12,14,16)	(8x21.5)m	TH8-T	172,0	7	1204,0	54,5%	93,8	262,1	1834,7	1,52	3		
T12-4 (11,13,15,17)	(8x21.5)m	TH8-T-D											
T12-4 (10)	(8.15x21.5)m	TH8-T	175,3	1	175,3	53,5%	93,8	262,1	262,1	1,50	3		
T12-4 (9)	(8.45x22.25)m	TH8-T2	183,4	1	183,4	53,1%	97,3	270,6	270,6	1,48	3		
MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-5									2332,8				
T12-5 (01)	(10x21.5)m	TH8-C	202,2	1	202,2	39,2%	79,3	236,0	236,0	1,17	3	Căn góc	
T12-5 (02,04,06,08)	(8x21.5)m	TH8-T	172,0	7	1204,0	54,5%	93,8	262,1	1834,7	1,52	3		
T12-5 (03,05,07)	(8x21.5)m	TH8-T-D											
T12-5 (09)	(8~7.962x21.5)m	TH8-T-D	171,6	1	171,6	54,7%	93,8	262,1	262,1	1,53	3		
MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-6									2621,0				
T12-6 (11)	(8x20)m	TH8-T-A2-D	160,0	9	1440,0	58,6%	93,8	262,1	2358,9	1,64	3		
T12-6 (12,14,16,18)	(8x20)m	TH8-T											
T12-6 (13,15,17,19)	(8x20)m	TH8-T-D											
T12-6 (20)	(10.2x20)m	TH8-T-A1	204,1	1	204,1	46,0%	93,8	262,1	262,1	1,28	3		
MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-7									5714,0				
T12-7 (01)	(4.5~9.5x20)m	TH8-C-D	177,5	2	355,0	44,7%	79,3	236,0	472,0	1,33	3	Căn góc	
T12-7 (22)	(4.5~9.5x20)m	TH8-C											
T12-7 (2~21)	(8x20)m	TH8-T	160,0	20	3200,0	58,6%	93,8	262,1	5242,0	1,64	3		
MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-8									4717,8				
T12-8 (01)	(8x20)m	TH8-T-A3	160,0	18	2880,0	58,6%	93,8	262,1	4717,8	1,64	3		
T12-8 (18)	(8x20)m	TH8-T-A3-D											
T12-8 (02,04,06,08,10,12,14, 16)	(8x20)m	TH8-T											
T12-8 (03,05,07,09,11,13,15, 17)	(8x20)m	TH8-T-D											
MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-9									12125,6				
T12-9 (01)	(4.7~9.7x20)m	TH8-C-D	181,6	2	363,3	43,7%	79,3	236,0	472,0	1,30	3	Căn góc	
T12-9 (46)	(4.7~9.7x20)m	TH8-C											

MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP	T12-9 (02,04,06,08,10,12,16, 18,20,22,24,26,28,30, 32,36,38,40,42,44)	(8x20)m	TH8-T	160,0	40	6400,0	58,6%	93,8	262,1	10484,0	1,64	3	
	T12-9 (03,05,07,09,11,15,17,1 9,21,23,25,27,29,31,35, 37,39,41,43,45)	(8x20)m	TH8-T-D										
	T12-9 (13, 33)	(9x20)m	TH8-A2	180,0	4	720,0	7,0%	104,3	292,4	1169,6	1,62	3	
	T12-9 (14,34)	(9x20)m	TH8-A2-D										
	MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-10									4927,7			
	T12-10 (01)	(5.2~10.2x20)m	TH8-C-D			383,3	41,4%			472,0	1,23	3	Căn góc
	T12-10 (19)	(5.2~10.2x20)m	TH8-C	191,6	2			79,3	236,0				
	T12-10 (02,04,06,08,11,13,15, 17)	(8x20)m	TH8-T										
	T12-10 (03,05,07,09,12,14,16, 18)	(8x20)m	TH8-T-D			2720,0	58,6%	93,8	262,1	4455,7	1,64	3	
	T12-10 (10)	(8x20)m	TH8-T-A2-D	160,0	17								
	MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-11									5451,9			
	T12-11 (01)	(5.2~10.2x20)m	TH8-C-D			383,3	41,4%			472,0	1,23	3	Căn góc
	T12-11 (21)	(5.2~10.2x20)m	TH8-C	191,6	2			79,3	236,0				
	T12-11 (02,04,06,08,11,13,15, 17,19)	(8x20)m	TH8-T										
	T12-11 (03,05,07,09,12,14,16, 18,20)	(8x20)m	TH8-T-D	160,0	19	3040,0	58,6%	93,8	262,1	4979,9	1,64	3	
	T12-11 (10)	(8x20)m	TH8-T-A2										
	MẪU NHÀ LIÊN KÈ 8M T12-12									6500,3			
	T12-12 (01)	(5.2~10.2x20)m	TH8-C-D			383,3	41,4%			472,0	1,23	3	
	T12-12 (25)	(5.2~10.2x20)m	TH8-C	191,6	2			79,3	236,0				
	T12-12 (02,04,06,08,10,13,15, 17,19, 21,23)	(8x20)m	TH8-T										
	T12-12 (03,05,07,09,11,14,16, 18,20, 22,24)	(8x20)m	TH8-T-D			3680,0	58,6%	93,8	262,1	6028,3	1,64	3	
	T12-12 (12)	(8x20)m	TH8-T-A2	160,0	23								
	MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-1									2261,9			
	SV2-1 (01)	(5.1~10x23.28)m	SV-C1-D	222,3	1	222,3	46,8%	104,0	283,3	283,3	1,27	3	Căn góc
	SV2-1 (02)	(10x23.28)m	SV-T1	230,9	1	230,9	45,7%	105,6	282,8	282,8	1,22	3	
	SV2-1 (03)	(10x22.9~22.55)m	SV-T1-D	227,3	1	227,3	46,5%	105,6	282,8	282,8	1,24	3	
	SV2-1 (04)	(10x22.55~22.2)m	SV-T1	223,8	1	223,8	47,2%	105,6	282,8	282,8	1,26	3	
	MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-2									1130,2			
	SV2-2 (04)	(10x21.8~21.4)m	SV-T1-D	216,1	1	216,1	48,9%	105,6	282,8	282,8	1,31	3	
	SV2-2 (03)	(10x21.4~21.16)m	SV-T1	213,1	1	213,1	49,5%	105,6	282,8	282,8	1,33	3	
	SV2-2 (02)	(10x21.16~20.9)m	SV-T1-D	210,3	1	210,3	50,2%	105,6	282,8	282,8	1,34	3	
	SV2-2 (01)	(10x20.9~20.6)m	SV-T1B	207,7	1	207,7	50,1%	104,1	281,8	281,8	1,36	3	
	MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-3									1055,9			
	SV2-3(04)	(10x20.6~20.0)m	SV-T1A-D	202,1	1	202,1	48,8%	98,6	273,6	273,6	1,35	3	
	SV2-3 (03)	(10x19.9)m	SV-T1A	200,0	1	200,0	49,3%	98,6	273,6	273,6	1,37	3	
	SV2-3 (02)	(10x19.9~19.8)m	SV-T1A-D	198,0	1	198,0	49,8%	98,6	273,6	273,6	1,38	3	
	SV2-3 (01)	(4.5x10~19.8)m	SV-C3-D	183,8	1	183,8	46,7%	85,8	235,1	235,1	1,28	3	Căn góc
	MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-4									1055,9			
	SV2-4 (01)	(6.4~11.5x19.5)m	SV-C3	212,1	1	212,1	40,5%	85,8	235,1	235,1	1,11	3	Căn góc

822
3 TỶ
JAU TU
NG SA
NG PHA
NG NAY

SV2-4(02)	(10.875x19.5)m	SV-T1A	211,9	1	211,9	46,5%	98,6	273,6	273,6	1,29	3	
SV2-4(03)	(10.875x19.5)m	SV-T1A-D	210,6	1	210,6	46,8%	98,6	273,6	273,6	1,30	3	
SV2-4(04)	(10.8~10.7x19.5)m	SV-T1A	208,7	1	208,7	47,2%	98,6	273,6	273,6	1,31	3	
MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-5									1065,6			
SV2-5(04)	(10.76x19.5)m	SV-T1A-D	209,7	1	209,7	47,0%	98,6	273,6	273,6	1,30	3	
SV2-5(03)	(10.76x19.5)m	SV-T1A	209,5	2	419,1	47,1%	98,6	273,6	547,2	1,31	3	
SV2-5(02)		SV-T1A-D										
SV2-5 (01)	(6.5~11.5x19.5)m	SV-C3-D	211,8	1	211,8	41,4%	87,6	244,8	244,8	1,16	3	Căn góc
MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-6									1054,3			
SV2-6 (01)	(10~5x19)m	SV-C3A	178,0	1	178,0	47,1%	83,9	233,4	233,4	1,31	3	Căn góc
SV2-6 (02)	(10~5x19~19.2)m	SV-T1A	191,6	1	191,6	51,5%	98,6	273,6	273,6	1,43	3	
SV2-6 (03)	(10~5x19~19.35)m	SV-T1A-D	192,8	1	192,8	51,1%	98,6	273,6	273,6	1,42	3	
SV2-6 (04)	(10~5x19.35~19.5)m	SV-T1A	194,2	1	194,2	50,8%	98,6	273,6	273,6	1,41	3	
MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-7									1094,4			
SV2-7(04)	(10x19.7~19.9)m	SV-T1A-D	198,2	1	198,2	49,8%	98,6	273,6	273,6	1,38	3	
SV2-7(03)	(10x19.9~20.12)m	SV-T1A	200,1	1	200,1	49,3%	98,6	273,6	273,6	1,37	3	
SV2-7(02)	(10x20.12~20.34)m	SV-T1A-D	202,2	1	202,2	48,8%	98,6	273,6	273,6	1,35	3	
SV2-7 (01)	(10x20.34~20.56)m	SV-T1A	204,5	1	204,5	48,2%	98,6	273,6	273,6	1,34	3	
MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-8									1131,7			
SV2-8(04)	(10x20.9~21.18)m	SV-T1-D	210,5	1	210,5	50,2%	105,6	282,8	282,8	1,34	3	
SV2-8(03)	(10x21.18~21.48)m	SV-T1	213,3	1	213,3	49,5%	105,6	282,8	282,8	1,33	3	
SV2-8(02)	(10x21.48~21.78)m	SV-T1-D	216,3	1	216,3	48,8%	105,6	282,8	282,8	1,31	3	
SV2-8 (01)	(5~10x21.78)m	SV-C1	206,9	1	206,9	50,3%	104,0	283,3	283,3	1,37	3	Căn góc
MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-9									1019,5			
SV2-9 (01)	(5~10x22.6)m	SV-C1-D	209,0	1	209,0	49,8%	104,0	283,3	283,3	1,36	3	Căn góc
SV2-9 (02)	(10x22.6~23.7)m	SV-T1-D	231,5	1	231,5	45,6%	105,6	282,8	282,8	1,22	3	
SV2-9 (03)	(10.08x15.7~17)m	SV-T2B	163,4	1	163,4	47,5%	77,6	225,2	225,2	1,38	3	
SV2-9 (04)	(10.08x17~18.4)m	SV-T2-D	177,1	1	177,1	44,6%	79,0	228,2	228,2	1,29	3	
MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-10									1022,0			
SV2-10 (01)	(10.2x20.7~22.6)m	SV-T1-D	216,8	1	216,8	48,7%	105,6	282,8	282,8	1,30	3	
SV2-10 (02)	(10.16x22.6~24.6)m	SV-T1	236,2	1	236,2	44,7%	105,6	282,8	282,8	1,20	3	
SV2-10 (03)	(10.26x16.65~18.8)m	SV-T2	177,5	1	177,5	44,5%	79,0	228,2	228,2	1,29	3	
SV2-10 (04)	(10.2x18.8~21.25)m	SV-T2-D	200,5	1	200,5	39,4%	79,0	228,2	228,2	1,14	3	
MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP SV2-11									961,5			
SV2-11 (04)	(10.39x16.9~19.7)m	SV-T2-A1	183,0	1	183,0	43,2%	79,0	228,2	228,2	1,25	3	
SV2-11 (03)	(10.39x19.7~22.7)m	SV-T1C	212,2	1	212,2	49,8%	105,6	282,8	282,8	1,33	3	
SV2-11 (02)	(10.5x14.7~18)m	SV-T2A	163,2	1	163,2	44,8%	73,1	220,5	220,5	1,35	3	
SV2-11 (01)	(5.5~10x16.3~18)m	SV-C2	184,4	1	184,4	45,8%	84,5	230,0	230,0	1,25	3	Căn góc
MẪU BIỆT SÂN VƯỜN GV2-1									2275,0			
GV2-1 (01)	(13.3x25.5)m	GV-R	339,2	1	339,2	32,3%	109,7	325,0	325,0	0,96	3	
GV2-1 (02, 03, 04, 05, 06)	(12x25.5)m	GV-R	306,0	5	1530,0	35,8%	109,7	325,0	1625,0	1,06	3	
GV2-1 (07)	(9.5~14.5x25.5)m	GV-R-D	357,3	1	357,3	30,7%	109,7	325,0	325,0	0,91	3	
MẪU BIỆT SÂN VƯỜN GV2-2									2567,2			
GV2-2 (01~07)	(12x20)m	GV-R1	240,0	7	1680,0	44,0%	105,6	320,9	2246,3	1,34	3	
GV2-2 (08)	(18~12x20)m	GV-R1-D	336,0	1	336,0	31,4%	105,6	320,9	320,9	0,96	3	
MẪU BIỆT SÂN VƯỜN GV2-3									6610,2			
GV2-3 (01)	(7~12x20)m	GV-C	227,5	2	455,0	44,0%	100,2	287,1	574,2	1,26	3	Căn góc

MẪU BIỆT THỰ SÂN VƯỜN

GV2-3 (22)	(7~12x20)m	GV-C-D										
GV2-3 (02,03,04,05,06,07,08,09,10,12)	(12x20)m	GV-T1	240,0	20	4800,0	44,0%	105,6	301,8	6036,0	1,26	3	
GV2-3 (11,13,14,15,16,17,18,19,20,21)	(12x20)m	GV-T1-D										
MẪU BIỆT SÂN VƯỜN GV4-5									3927,3			
GV4-5 (01)	(5.8~21.2x25)m	GV-T-D	386,4	1	386,4	27,3%	105,6	302,1	302,1	0,78	3	Căn góc
GV4-5 (02)	(15x25)m	GV-T	375,0	1	375,0	28,2%	105,6	302,1	302,1	0,81	3	
GV4-5 (03)	(15x25)m	GV-T	375,0	1	375,0	28,2%	105,6	302,1	302,1	0,81	3	
GV4-5 (04)	(15x25)m	GV-T	375,0	1	375,0	28,2%	105,6	302,1	302,1	0,81	3	
GV4-5 (05)	(15x25)m	GV-T	375,0	1	375,0	28,2%	105,6	302,1	302,1	0,81	3	
GV4-5 (06,13)	(15x25)m	GV-T	375,0	2	750,0	28,2%	105,6	302,1	604,2	0,81	3	
GV4-5 (07)	(15x25)m	GV-T	375,0	1	375,0	28,2%	105,6	302,1	302,1	0,81	3	
GV4-5 (08)	(15x25)m	GV-T	375,0	1	375,0	28,2%	105,6	302,1	302,1	0,81	3	
GV4-5 (09,10)	(15x25)m	GV-T	375,0	2	750,0	28,2%	105,6	302,1	604,2	0,81	3	
GV4-5 (11,12)	(15x25)m	GV-T	375,0	2	750,0	28,2%	105,6	302,1	604,2	0,81	3	
MẪU BIỆT SÂN VƯỜN GV2-4									3250,0			
GV2-4 (01)	(9.6~14.5x25)m	GV-R	350,4	1	350,4	31,3%	109,7	325,0	325,0	0,93	3	
GV2-4 (02)	(15x25.02)m	GV-R	375,4	1	375,4	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,87	3	
GV2-4 (03)	(15x25.02)m	GV-R	375,3	1	375,3	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,87	3	
GV2-4 (04, 05)	(15x25.01)m	GV-R	375,2	2	750,5	29,2%	109,7	325,0	650,0	0,87	3	
GV2-4 (06)	(15x25.01)m	GV-R	375,2	1	375,2	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,87	3	
GV2-4 (07)	(15x25)m	GV-R	375,2	1	375,2	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,87	3	
GV2-4 (08,09)	(15x25)m	GV-R	375,1	2	750,2	29,2%	109,7	325,0	650,0	0,87	3	
GV2-4 (10)	(15x25)m	GV-R-D	375,1	1	375,1	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,87	3	Căn góc
MẪU BIỆT SÂN VƯỜN GV2-5									3900,0			
GV2-5 (01)	(15.1x25)m	GV-R	375,2	1	375,2	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,87	3	Căn góc
GV2-5 (02)	(15x25~25.2)m	GV-R	376,9	1	376,9	29,1%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	
GV2-5 (03)	(15x25.2~25)m	GV-R	376,9	1	376,9	29,1%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	
GV2-5 (04)	(15.1~15x25)m	GV-R	377,5	1	377,5	29,1%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	
GV2-5 (05)	(15.1x25.1~25.2)m	GV-R	378,6	1	378,6	29,0%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	
GV2-5 (06)	(15.17x25.2~25.3)m	GV-R	380,0	1	380,0	28,9%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	
GV2-5 (07)	(15.17x25.3~25.4)m	GV-R	381,6	1	381,6	28,7%	109,7	325,0	325,0	0,85	3	
GV2-5 (08)	(15.3x25.4)m	GV-R	383,6	1	383,6	28,6%	109,7	325,0	325,0	0,85	3	
GV2-5 (09)	(15.4x25.46)m	GV-R	385,9	1	385,9	28,4%	109,7	325,0	325,0	0,84	3	
GV2-5 (10)	(15.5x2.75)m	GV-R	388,5	1	388,5	28,2%	109,7	325,0	325,0	0,84	3	
GV2-5 (11)	(15.6x25.9)m	GV-R	391,4	1	391,4	28,0%	109,7	325,0	325,0	0,83	3	
GV2-5 (12)	(15.67x26.8)m	GV-R-D	398,4	1	398,4	27,5%	109,7	325,0	325,0	0,82	3	Căn góc
MẪU BIỆT SÂN VƯỜN GV4-4									3575,0			
GV4-4 (01)	(15.05x25)m	GV-R	375,8	1	375,8	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	Căn góc
GV4-4 (02)	(15x25.05)m	GV-R	376,1	1	376,1	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	
GV4-4 (03)	(15x25.08)m	GV-R	376,7	1	376,7	29,1%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	
GV4-4 (04)	(24~17.8x25)m	GV-R	527,6	1	527,6	20,8%	109,7	325,0	325,0	0,62	3	
GV4-4 (05)	(21x25.13)m	GV-R	527,6	1	527,6	20,8%	109,7	325,0	325,0	0,62	3	
GV4-4 (06)	(15.06x25.06)m	GV-R	377,2	1	377,2	29,1%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	
GV4-4 (07)	(15.06x25.06)m	GV-R	376,5	1	376,5	29,1%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	
GV4-4 (08)	(15.02x25.04)m	GV-R	376,0	1	376,0	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,86	3	
GV4-4 (09)	(15.02x25.06)m	GV-R	375,6	1	375,6	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,87	3	

GV4-4 (10)	(15x25.04)m	GV-R	375,4	1	375,4	29,2%	109,7	325,0	325,0	0,87	3	
GV4-4 (11)	(15x25~21)m	GV-R-D	345,4	1	345,4	31,8%	109,7	325,0	325,0	0,94	3	Cán góc
TỔNG CỘNG				568	104.041,6				152.440,9			

- **Câu lạc bộ tại Ô đất có Ký hiệu CO2-2** : Quy mô xây dựng 1 tầng , Diện tích đất khoảng 1100 m² , diện tích xây dựng khoảng 195 m² , Chiều cao xây dựng 4,35 m so với cao trình vỉa hè Hoàn thiện .

10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: 50 năm

11. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí: 916.007.000.000VNĐ

12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- QCVN: 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng
- TCVN 9411:2012 Nhà ở liền kề - Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 4451:2012 Nhà ở - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế
- TCVN 4319:2012 Nhà và công trình công cộng – Yêu cầu thiết kế
- TCVN 5574-2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 5575-2012 Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế

Một số quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành khác có liên quan đến thiết kế công trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Phòng Điều hành dự án chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Điều hành dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Lê Nhật Cường